

Số: /TM-TTYT
V/v cung cấp báo giá vật tư y tế, vật tư
tiêu hao

Cao Lộc, ngày 05 tháng 03 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc đang chuẩn bị thực hiện mua sắm vật tư y tế, vật tư tiêu hao. Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc kính mời các đơn vị có đủ năng lực thực hiện cung cấp vật tư y tế, vật tư tiêu hao gửi bản báo giá để đơn vị tham khảo xây dựng dự toán và kế hoạch mua sắm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc. Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Lương Thị Trang, Phó trưởng khoa Dược-TTB-VTYT.

Điện thoại: 02053.861.862 -0857.457.909

Email: dclsytecaoloc@gmail.com

3. Việc nộp báo giá có thể thực hiện theo hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, thư điện tử (Email: dclsytecaoloc@gmail.com) hoặc bằng Fax. (Gửi kèm mẫu phụ lục báo giá).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến hết ngày 14 tháng 03 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 03 năm 2024.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục đề nghị báo giá: (Chi tiết tại yêu cầu báo giá kèm theo).

1.1 Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, vật tư tiêu hao Ngoại khoa.

1.2 Gói thầu Mua sắm vật tư y tế, vật tư tiêu hao cho Đơn nguyên thận.

2. Địa điểm vận chuyển, cung cấp: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc; Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Yêu cầu về bảo quản: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian dự kiến giao hàng: Khi nhận được dự trù của bên mua.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, hình thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng kính mời các quý công ty./.

Nơi nhận:

- Website đơn vị;
- Ban lãnh đạo;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Chu Đình Quế

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

(Kèm theo thư mời chào giá số / TM-TTYT ngày 05/03/2024 của Trung tâm Y tế Cao Lộc)

Phụ lục 1. Mua sắm vật tư y tế, vật tư tiêu hao năm 2024 cho Đơn nguyên thận

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, các tính năng liên quan	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch thẩm phân máu HD Plus 144A hoặc tương đương	* Thành phần: 1 lít dung dịch đậm đặc chứa: - Natri clorid: 270,869 g - Kali clorid: 6,710 g - Calci clorid.2H ₂ O: 9,924g - Magnesi clorid.6H ₂ O: 4,575g - Acid acetic băng: 8,1 g - Glucose.H ₂ O: 49,499 g - Nước tinh khiết vừa đủ 1 lít * Đóng gói: Can 10 lít	Lít	35.000
2	Dung dịch thẩm phân máu HD Plus 8.4B hoặc tương đương	* Thành phần: 1 lít dung dịch đậm đặc chứa: - Natri Bicarbonat: 84,00 g - Nước tinh khiết vừa đủ 1 lít * Đóng gói: Can 10 lít	Lít	45.000
3	Kim chạy thận nhân tạo hoặc tương đương	*Kích cỡ kim:kim 16G:(1,6 x 25 x 300)mm *Chất liệu: - Kim: Thép không gỉ - Cổ định kim: polyvinyl chloride (PVC) - Ống mềm: polyvinyl chloride mềm (PVC) + Chiều dài: 300 mm + Đường kính ngoài: φ4,5 + Đường kính trong: φ3,0 - Kẹp: polypropylene (PP) + Dài: 25 mm + Rộng: 10 mm + Cao: 18 mm - Chất kết dính: cyclohexanone - lubricant: Dầu silicon *Cấu tạo: - Có mắt sau (Back eye) - Cánh quay được	Cái	10.000
4	Bộ dây lọc máu hoặc tương đương	*Mỗi bộ dây chạy thận bao gồm: 1. Bộ dây động mạch - Dây bơm máu: 8x12x350 mm - Bầu động mạch đường kính ngoài 22 mm - Đầu Spike chất liệu ABS có màng chắn nhiễm khuẩn. - Transducer động mạch 2. Bộ dây tĩnh mạch - Bầu tĩnh mạch có màng lọc, đường kính ngoài 22 mm - Transducer tĩnh mạch *Chất liệu sản phẩm chủ yếu nhựa PVC sử dụng trong y tế, chất kết dính CYC dạng tinh khiết. *Sản phẩm được chứng nhận bởi CFDA và cơ quan có thẩm quyền của EU.	Bộ	1.600

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, các tính năng liên quan	Đơn vị tính	Số lượng
5	Quả lọc thận DIACAP PRO 16L hoặc tương đương	* Hiệu suất màng với tốc độ máu (QB)= 300 ml/phút Hệ số siêu lọc ml/h/mmHg : 14 Độ thanh thải - Urea: 269 ml/phút - Creatinine: 242 ml/phút - Phosphate: 187 ml/phút - Vitamine B12: 112 ml/phút *Thông số vật lý Diện tích bề mặt (m ²): 1.6 Thể tích chứa máu (ml): 100 *Chất liệu màng: Alpha Polysulfone Pro	Quả	1.700
6	Acid Citric (rửa máy) hoặc tương đương	Công thức phân tử: C ₆ H ₈ O ₇ Bề ngoài: Chất rắn kết tinh màu trắng	Kg	250
7	Muối hoàn nguyên chạy thận nhân tạo hoặc tương đương	Viên nén tan chậm màu trắng NaCl ≥ 99 %	Kg	175
	Cộng: 07 khoản			

Phụ lục 2: Mua sắm vật tư y tế, vật tư tiêu hao Ngoại khoa

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, các tính năng liên quan	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nẹp 8 lỗ bản hẹp hoặc tương đương	Nẹp dày 4.0mm, rộng 12mm, 8 lỗ tương ứng chiều dài 135mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16mm, dùng vít đk 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10
2	Nẹp chữ T 5 lỗ hoặc tương đương	Nẹp dày 2.0mm, rộng 17mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16mm, độ rộng đầu nẹp 33mm, 5 lỗ tương ứng chiều dài 96mm, dùng vít đk 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5
3	Nẹp chữ T 8 lỗ hoặc tương đương	Nẹp dày 2.0mm, rộng 17mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16mm, độ rộng đầu nẹp 33mm, 8 lỗ tương ứng chiều dài 148mm, dùng vít đk 4.5mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5
4	Vít 4,5 x 38 hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 38mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
5	Vít cứng 3,5 x 20 hoặc tương đương	Đường kính vít 3.5mm, dài 20mm, đk mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 2.5mm, bước ren 1.25mm, đk lõi vít 2.4mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
6	Vít cứng 3,5 x 28 hoặc tương đương	Đường kính vít 3.5mm, dài 28mm, đk mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 2.5mm, bước ren 1.25mm, đk lõi vít 2.4mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
7	Vít cứng 4,5 x 30 hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 30mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
8	Vít cứng 4,5 x 36 hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 36mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
9	Vít cứng 3.5mm x 14mm hoặc tương đương	(dài 14mm) Đường kính 3.5mm, ren toàn phần, đường kính mũ vít 6.0mm, dài từ 10-60mm. Đạt chất lượng ISO 13485 và EC, chất liệu thép không gỉ.	Cái	40
10	Vít cứng 3.5mm x 16mm hoặc tương đương	(dài 16mm) Đường kính 3.5mm, ren toàn phần, đường kính mũ vít 6.0mm, dài từ 10-60mm. Đạt chất lượng ISO 13485 và EC, chất liệu thép không gỉ.	Cái	40
11	Vít cứng 3.5mm x 18mm hoặc tương đương	(dài 18mm) Đường kính 3.5mm, ren toàn phần, đường kính mũ vít 6.0mm, dài từ 10-60mm. Đạt chất lượng ISO	Cái	40

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, các tính năng liên quan	Đơn vị tính	Số lượng
		13485 và EC, chất liệu thép không gỉ.		
12	Đinh Kisner 2 đầu 1,5 x 310 hoặc tương đương	Đường kính 1,5mm, dài 310mm - hai đầu nhọn - chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Đạt chất lượng ISO 13485 và EC	Cái	10
13	Nẹp mắt xích 6 ô hoặc tương đương	Nẹp dày 3.1mm, nẹp rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm, 6 lỗ tương ứng chiều dài 70mm, dùng vít đk 3.5mm. Chất liệu thép không gỉ Đạt chất lượng ISO 13485	Cái	5
14	Nẹp 8 lỗ bản hẹp hoặc tương đương	Nẹp dày 4.0mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm; - Số lỗ trên thân nẹp: từ 5 đến 16 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 135/151/167mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	Cái	5
15	Vít 3.5mm hoặc tương đương	Đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũ tô vít 2.5mm. - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	40
16	Mảnh ghép thoát vị bẹn, vá thành bụng hoặc tương đương	- Kích thước: 15x15cm. Dùng để điều trị thoát vị bẹn, vá thành bụng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20
17	Kìm mang kim 14cm hoặc tương đương	Kích thước 14 cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
18	Kìm mang kim 16cm hoặc tương đương	Kích thước 16 cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
19	Kìm mang kim 18cm hoặc tương đương	Kích thước 18 cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
20	Ống hút xoang 14cm hoặc tương đương	Kích thước 14 cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
	Cộng: 20			

Phụ lục: BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Kính gửi:

Tên đơn vị báo giá:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax , Email.....

Sau khi nghiên cứu kỹ nhu cầu của Bệnh viện. Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi tới Quý Bệnh viện báo giá như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, modelHãng, nước sản xuất	Mã HS	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ /Năm sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan(VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)
1													
	Cộng:												

- *Xuất xứ hàng hóa: Cam kết hàng mới 100%*
- *Chất lượng hàng hóa: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất*
- *Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến kho của quý bệnh viện*
- *Thời gian giao hàng.....sau khi ký hợp đồng*
- *Hiệu lực của báo giá.....90 ngày.....*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)